



Working Paper 2025.1.1.18

- Vol. 1, No. 1

**APPLICATION OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN SENTIMENT ANALYSIS
OF FOREIGN TRADE UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY
CAMPUS STUDENTS**

**Nguyễn Lê Phương Thùy¹, Lê Hoàng Minh Trí, Hoàng Trần Hoài Thương, Ngô Lê Nam
Minh, Hà Nguyễn Hùng Vương**

Sinh viên K62C – Kế toán - Kiểm toán

Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Đào Quốc Phương

Giảng viên Cơ sở II

Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Abstract

This study explores the impact of emotions on academic performance and student outcomes at Campus II of Foreign Trade University in Ho Chi Minh City. By leveraging Artificial Intelligence (AI), the research employs quantitative and qualitative approaches to analyze 1,793 data points capturing students' emotional states. The findings indicate that 75.18% of the emotions recorded were negative, 24.71% were positive, and 0.11% were neutral. These results highlight the potential of AI in analyzing students' emotions and offer practical suggestions to help students improve emotional management, develop a proactive learning mindset, and enhance their academic performance and learning outcomes.

Keywords: AI, emotions, students, AI applications, sentiment analysis

**ỨNG DỤNG AI PHÂN TÍCH SẮC THÁI CẢM XÚC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG
ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG CƠ SỞ II**

¹ Tác giả liên hệ, Email: k62.2314825028@ftu.edu.vn

Tóm tắt

Nghiên cứu này khám phá tác động của cảm xúc đến kết quả học tập và hiệu suất của sinh viên Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP.HCM, nhấn mạnh vai trò quan trọng của cảm xúc trong môi trường giáo dục. Với việc ứng dụng Artificial Intelligence (AI), nghiên cứu áp dụng phương pháp định lượng và định tính với 1.793 dữ liệu được ghi nhận về sắc thái cảm xúc của sinh viên. Kết quả từ phản hồi cho thấy 75,18% cảm xúc tiêu cực, 24,71% cảm xúc tích cực và 0,11% cảm xúc trung tính. Những kết quả này khẳng định tiềm năng của AI trong việc phân tích cảm xúc của sinh viên, đồng thời đưa ra các khuyến nghị thiết thực nhằm giúp sinh viên nâng cao khả năng quản lý cảm xúc, rèn luyện tư duy chủ động trong học tập, qua đó cải thiện hiệu suất và chất lượng học tập một cách toàn diện.

Từ khóa: AI, cảm xúc, sinh viên, ứng dụng AI, phân tích sắc thái cảm xúc

1. Đặt vấn đề

Sinh viên ngày nay phải đối mặt với nhiều áp lực từ học tập, tài chính và những biến động kinh tế - xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả học tập, đời sống cá nhân và động lực học tập. Mặc dù các yếu tố cảm xúc đóng vai trò quan trọng trong quá trình này, việc nghiên cứu và phân tích chúng, đặc biệt là thông qua ứng dụng công nghệ AI, vẫn còn hạn chế. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu các yếu tố cảm xúc ảnh hưởng đến sinh viên trong quá trình học tập và sinh hoạt, từ đó đưa ra các khuyến nghị cần thiết. Bài nghiên cứu gồm 3 phần chính: Phần 1 bao gồm Cơ sở lý thuyết, Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước; Phần 2 giới thiệu về Phương pháp nghiên cứu và Phân tích kết quả nghiên cứu, Phần cuối cùng là Kết luận cùng với các Khuyến nghị.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu trong nước và ngoài nước liên quan đến đề tài

2.1. Tổng quan các nghiên cứu nước ngoài

Nghiên cứu của Sujata Rani và Parteek Kumar (2017) ứng dụng NLP² và SVM³ để xây dựng hệ thống phân tích cảm xúc từ 4,000 bình luận Coursera và 500 bình luận từ hệ thống phản hồi đại học, lưu trữ trên Google Cloud. Hệ thống phân loại cảm xúc tích cực, tiêu cực, và các trạng thái cụ thể như vui, buồn, tin tưởng, cho thấy mối liên hệ giữa sự hài lòng của sinh viên với đánh giá giảng viên và khóa học. Nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của dữ liệu chất lượng cao nhưng còn hạn chế về độ chính xác phân loại SVM, cần mở rộng nghiên cứu để xem xét thêm các yếu tố ảnh hưởng đến giảng dạy và học tập.

Xiangyang Li (2024) đã nghiên cứu mối quan hệ giữa cảm xúc học tập, nhận thức luận và thành tích học tập của 380 sinh viên tại Đại học Dương Châu, Trung Quốc, sử dụng bảng câu hỏi AEQ⁴. Kết quả cho thấy cảm xúc tích cực như niềm vui, hy vọng và tự hào có tương quan tích cực

² NLP - Neuro-Linguistic Programming: lập trình ngôn ngữ tư duy.

³ SVM - Support Vector Machine: mô hình học máy có giám sát.

⁴ AEQ - Achievement Emotions Questionnaire: thang đo cảm xúc thành tích trong học tập.

với thành tích, trong khi cảm xúc tiêu cực như xấu hổ, lo lắng và buồn chán có tương quan tiêu cực. Nhận thức phản chiếu và siêu nhận thức được xác định có tác động tích cực đến kết quả học tập. Tuy nhiên, nghiên cứu cần mở rộng để xem xét các bối cảnh và trình độ học khác nhau.

2.2. Tổng quan các nghiên cứu trong nước

Nghiên cứu của Huỳnh Mai Trang và Mai Hồng Đào (2020) đánh giá cảm xúc tích cực và tiêu cực của 651 sinh viên tại các trường đại học phía Nam Việt Nam. Kết quả cho thấy sinh viên cảm thấy thích thú và tự hào khi đạt kết quả tốt, trong khi lo lắng và xấu hổ là các cảm xúc tiêu cực phổ biến khi gặp khó khăn học tập. Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ tập trung vào môi trường học tập và có hạn chế về tính chính xác trong phương pháp thu thập dữ liệu.

Nghiên cứu của Ngô Thị Tâm (2024) kiểm tra và phân tích cảm xúc của sinh viên y khoa tại Trường Đại học Đại Nam, sử dụng thang đo AEQ với 24 câu hỏi và phần mềm Stata 14.0 để đánh giá cảm xúc tích cực và tiêu cực trong học tập. Kết quả cho thấy cảm xúc tích cực có mối tương quan với kết quả học tập tốt hơn, trong khi cảm xúc tiêu cực làm giảm hiệu suất học tập. Nghiên cứu cũng chỉ ra khả năng ứng dụng mô hình AI trong nhận diện và phân tích cảm xúc, nhưng thiếu phân tích chi tiết về các yếu tố tác động như áp lực học tập, môi trường học tập và sự hỗ trợ từ giảng viên.

2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Qua quá trình tìm hiểu và nghiên cứu, nhóm tác giả đã xác định được những khoảng trống nghiên cứu đáng chú ý. Cụ thể, hiện chưa có số liệu cụ thể về phân tích cảm xúc của sinh viên tại Cơ sở II, Trường Đại học Ngoại thương. Đồng thời, chưa có nghiên cứu nào tại trường triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phân loại cảm xúc của sinh viên. Việc giải quyết các khoảng trống này không chỉ đóng góp về mặt học thuật mà còn mang lại giá trị thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và cải thiện trải nghiệm học tập cho sinh viên.

3. Cơ sở lý thuyết

3.1. Phân tích cảm xúc

3.1.1. Khái niệm cảm xúc

Cảm xúc là một trạng thái tâm lý phức tạp bao gồm cảm giác, suy nghĩ và phản ứng sinh lý, đóng vai trò quan trọng trong hành vi, lựa chọn và giao tiếp của con người. Theo Ekman (1992), cảm xúc được chia thành hai nhóm chính: cảm xúc cơ bản (như hạnh phúc, buồn bã, tức giận, sợ hãi, ngạc nhiên, ghê tởm) và cảm xúc phức tạp (như xấu hổ, tội lỗi, tự hào). Cảm xúc cũng có thể là phản ứng của con người trước kích thích vật chất hoặc sự việc, thể hiện qua các phản ứng sinh lý và hành vi (Nguyễn, 2019). Mayer và cộng sự (2016) nhấn mạnh cảm xúc ảnh hưởng sâu sắc đến mối quan hệ xã hội, khả năng giao tiếp và có thể thúc đẩy hoặc cản trở hành động nếu không được quản lý tốt.

3.1.2. Phân loại sắc thái cảm xúc

Cảm xúc được phân thành nhiều nhóm, trong đó mô hình bánh xe của Plutchik (2001) liệt kê tám cảm xúc cơ bản: hạnh phúc, buồn bã, tức giận, sợ hãi, ngạc nhiên, kinh tởm, tin tưởng, khao khát. Các cảm xúc này được chia thành ba nhóm chính: tích cực, tiêu cực và trung lập. Watson và cộng sự (1988b) đề xuất thang đo cảm xúc PANAS⁵, phân loại ảnh hưởng tích cực (PA) và tiêu cực (NA), với PA cao thể hiện sự hứng khởi, tập trung và PA thấp liên quan đến buồn bã, uể oải; trong khi NA cao đặc trưng bởi sự khó chịu, lo lắng và NA thấp gắn liền với trạng thái bình tĩnh.

3.1.3. Vai trò của phân tích cảm xúc trong môi trường giáo dục

Kang & Wu (2022) nhận định cảm xúc tích cực như niềm vui, hy vọng thúc đẩy động lực học tập và cải thiện kết quả học tập, trong khi cảm xúc tiêu cực như sợ hãi, xấu hổ làm giảm tập trung và hiệu quả học tập. Xiang và cộng sự (2024) nhấn mạnh việc phân tích cảm xúc hỗ trợ giảng viên nhận biết kịp thời trạng thái cảm xúc của sinh viên, từ đó điều chỉnh phương pháp giảng dạy để nâng cao hiệu quả giáo dục.

3.2. Ứng dụng AI phân tích sắc thái cảm xúc

3.2.1. Khái niệm AI

Theo Aldoseri và cộng sự (2023) và Kanzola và cộng sự (2024), trí tuệ nhân tạo (AI) là hệ thống có khả năng tự phân tích, xử lý dữ liệu từ các nguồn bên ngoài, đồng thời học hỏi và suy luận để mô phỏng trí tuệ cũng như các quá trình nhận thức của con người. AI đã được tích hợp vào nhiều lĩnh vực đời sống nhờ khả năng vượt trội này.

3.2.2. Bộ dữ liệu dùng để huấn luyện AI gắn nhãn cảm xúc

UIT-VSFC, do nhóm nghiên cứu tại Đại học Công nghệ Thông tin - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh phát triển, là bộ dữ liệu tiếng Việt gồm 16.000 phản hồi sinh viên được phân loại thành ba nhóm cảm xúc: tích cực, tiêu cực, và trung tính (Nguyen và cộng sự, 2018). Để đảm bảo chất lượng, mỗi phản hồi được gắn nhãn bởi ba chuyên gia và trải qua các bước loại bỏ nhiễu như sửa lỗi chính tả.

Hiệu quả của bộ dữ liệu được đánh giá qua các mô hình NLP tiên tiến như BERT⁶ và BiLSTM⁷, đạt F1-score trung bình 0.87, chứng minh tiềm năng ứng dụng trong nghiên cứu hành vi và phát triển công cụ hỗ trợ cảm xúc. Nghiên cứu này sử dụng UIT-VSFC để huấn luyện AI phân tích cảm xúc sinh viên.

⁵ PANAS – Positive and Negative Affect Schedule: phụ lục ảnh hưởng tích cực và tiêu cực.

⁶ BERT - Bidirectional Encoder Representations from Transformers: mô hình biểu diễn từ theo 2 chiều ứng dụng kỹ thuật Transformer.

⁷ BiLSTM - Bidirectional Long Short-Term Memory: mô hình bộ nhớ dài ngắn hạn 2 chiều.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu này được lấy từ bảng hỏi do sinh viên Cơ sở II của Trường Đại học Ngoại thương tại Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024 - 2025 hoàn thành khảo sát. Tổng cộng có 126 sinh viên tham gia khảo sát, đóng góp 1.793 phản hồi. Bảng dưới đây là dữ liệu thống kê về số lượng sinh viên tham gia khảo sát và số lượng phản hồi từ 4 loại đối tượng sinh viên: sinh viên năm nhất, sinh viên năm hai, sinh viên năm ba và sinh viên năm tư. Bộ dữ liệu là một tài nguyên quan trọng cho quá trình nghiên cứu của nhóm.

Bảng 1: Thống kê số lượng sinh viên tham gia khảo sát và phản hồi

Đối tượng	Số lượng tham gia	Số lượng phản hồi
Sinh viên năm nhất	35	498
Sinh viên năm hai	45	640
Sinh viên năm ba	26	370
Sinh viên năm tư	20	285
Tổng	126	1.793

Bảng hỏi được thiết kế để tập trung vào các yếu tố chính ảnh hưởng đến cảm xúc của sinh viên, đảm bảo đề cập đến các khía cạnh quan trọng trong đời sống học tập và xã hội của họ. Cụ thể, bảng hỏi bao gồm những nội dung sau:

4.1.1. Môi trường và thành tích học tập

Nghiên cứu của Pekrun và cộng sự (2023) cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa cảm xúc tiêu cực và điểm số, trong đó cảm xúc tiêu cực vừa là yếu tố dự báo vừa bị ảnh hưởng bởi kết quả học tập. Nội dung khảo sát tập trung vào những thách thức sinh viên gặp phải trong quá trình ôn thi, cách họ vượt qua khó khăn, và cảm nhận về thời gian nghỉ giữa kỳ, yếu tố được Dr. Mahdi Adam Omer (2023) xác định có ảnh hưởng đến thành tích và cảm xúc của sinh viên.

4.1.2. Hoạt động ngoại khóa

Massoni (2011) và Fares và cộng sự (2016) đã chỉ ra rằng các hoạt động ngoại khóa mang lại cả lợi ích (phát triển kỹ năng, cải thiện hành vi xã hội) và tác động tiêu cực (kiệt sức, ảnh hưởng sức khỏe tinh thần). Khảo sát tìm hiểu trải nghiệm, nhận thức của sinh viên tham gia hoặc không tham gia hoạt động ngoại khóa, nguyên nhân không tham gia, và tác động của hoạt động này đối với sức khỏe tinh thần và cảm xúc.

4.1.3. Mối quan hệ gia đình và xã hội

Khảo sát về các mối quan hệ gia đình và xã hội tập trung vào mức độ sinh viên nhận được sự ủng hộ từ gia đình trong việc đưa ra quyết định cá nhân và cách thức hỗ trợ này tác động như thế nào đến cuộc sống của họ. Đồng thời, xem xét thói quen của sinh viên khi đối mặt với khó khăn hoặc căng thẳng, cụ thể là họ sẽ nhờ gia đình, bạn bè hay người khác giúp đỡ trong việc đưa ra quyết định hay không.

4.1.4. Sức khỏe tinh thần và thể chất

Theo Chen và cộng sự (2024), sức khỏe tinh thần giữ vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh cảm xúc, trong khi tập thể dục giúp giảm các triệu chứng căng thẳng và trầm cảm (Qin và cộng sự, 2024). Phần khảo sát tìm hiểu khó khăn trong việc cân bằng học tập và duy trì sức khỏe, sự thay đổi về tinh thần kể từ khi vào đại học, và quan điểm về ảnh hưởng của giấc ngủ, chế độ ăn đến hiệu suất học tập.

4.1.5. Tài chính cá nhân

Heckman và cộng sự (2014) cho rằng lo lắng về tài chính có tác động tiêu cực đến cảm xúc sinh viên. Nội dung khảo sát đánh giá ảnh hưởng của tài chính cá nhân đến thói quen học tập, quan điểm về mức hỗ trợ tài chính như học bổng, và tác động của các khoản hỗ trợ này đến cuộc sống cũng như kết quả học tập.

4.1.6. Định hướng tương lai

Kết quả nghiên cứu của Wang và cộng sự (2017) nhấn mạnh vai trò của chiến lược điều chỉnh cảm xúc trong hành vi tìm việc. Khảo sát tập trung vào nhận thức của sinh viên về thành công sự nghiệp, mục tiêu và kỳ vọng sau tốt nghiệp, cùng khả năng ứng phó với những trở ngại trong quá trình theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp.

4.2. Mô hình nghiên cứu

4.2.1. Dữ liệu huấn luyện

Nhóm tác giả sử dụng bộ dữ liệu UIT-VSFC để huấn luyện mô hình phân loại sắc thái cảm xúc của sinh viên dựa trên phản hồi bằng văn bản. Trong tập dữ liệu có cột feedback (nội dung phản hồi) và label (nhãn cảm xúc: tiêu cực, trung tính, tích cực). Tập tin “train” trong bộ dữ liệu được sử dụng làm nguồn dữ liệu chính để xây dựng mô hình phân loại cảm xúc.

Tập dữ liệu được chia thành hai phần: tập huấn luyện (80%) và tập kiểm tra (20%) bằng hàm `train_test_split`. Văn bản phản hồi được chuyển đổi thành vector đặc trưng thông qua kỹ thuật TF-IDF⁸ với số lượng đặc trưng tối đa là 5.000.

Mô hình hồi quy Logistic được chọn để phân loại cảm xúc nhờ tính đơn giản và hiệu quả trong bài toán phân loại văn bản. Mô hình được huấn luyện trên tập dữ liệu huấn luyện, sau đó lưu trữ cùng với vectorizer để sử dụng trong các bước phân tích sau này.

⁸ TF-IDF ((term frequency - inverse document frequency): TF-IDF chuyển đổi dạng biểu diễn văn bản thành dạng không gian vector (VSM), hoặc thành những vector thưa thớt.

4.2.2. Tiền xử lý dữ liệu

Phản hồi của sinh viên được tổng hợp và xử lý nhằm cải thiện độ chính xác phân loại. Các bước tiền xử lý bao gồm:

- Loại bỏ lỗi chính tả và từ viết tắt để đảm bảo văn bản rõ ràng.
- Chuẩn hóa toàn bộ phản hồi, chuyển văn bản thành chữ thường và loại bỏ khoảng trắng thừa.

Sau khi tiền xử lý, dữ liệu được đưa vào vectorizer đã lưu trước đó để chuyển đổi thành dạng vector đặc trưng, đảm bảo phù hợp với mô hình Logistic Regression đã huấn luyện.

4.2.3. Phân loại cảm xúc

Phản hồi sau khi xử lý và chạy dữ liệu được phân thành 3 nhóm cảm xúc:

- 0: phản hồi mang sắc thái tiêu cực
- 1: phản hồi mang sắc thái trung tính
- 2: phản hồi mang sắc thái tích cực

4.2.4. Phân tích và trực quan hóa

Đối với nhóm cảm xúc tiêu cực và tích cực, trực quan hóa dữ liệu bằng Word Cloud nhằm hiển thị các từ khóa phổ biến sau khi loại bỏ các từ dừng (stop words) không cần thiết. Từ đó, tìm ra các yếu tố dẫn đến sắc thái cảm xúc này và đưa ra khuyến nghị để hỗ trợ sinh viên.

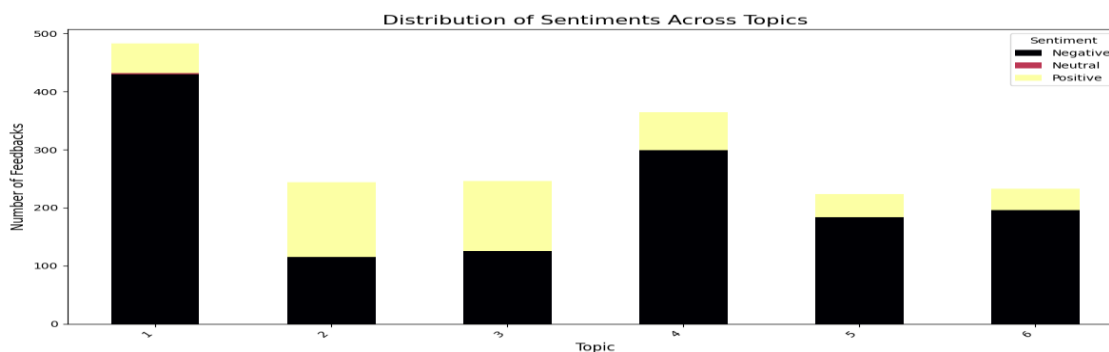
5. Phân tích kết quả nghiên cứu

Kết quả phân tích cảm xúc cho thấy:

75,18% phản hồi mang sắc thái tiêu cực

0,11% phản hồi mang sắc thái trung tính

24,71% phản hồi mang sắc thái tích cực



Hình 1: Phân loại sắc thái cảm xúc theo chủ đề

Nguồn: Tác giả (2025)

Chú thích hình:

1. Môi trường và thành tích học tập
2. Hoạt động ngoại khóa
3. Mối quan hệ gia đình và xã hội
4. Sức khỏe tinh thần và thể chất
5. Tài chính cá nhân
6. Định hướng tương lai

5.1. Các yếu tố dẫn đến cảm xúc tiêu cực



Hình 2: Word Cloud về phản hồi mang sắc thái tiêu cực của sinh viên

Nguồn: Tác giả (2025)

Phân tích Word Cloud từ các phản hồi tiêu cực cho thấy các từ khóa nổi bật như “*thời gian*,” “*học tập*,” “*khó khăn*,” “*áp lực*,” “*sức khỏe*,” “*tinh thần*,” và “*tài chính*,” phản ánh những thách thức mà sinh viên đang đối mặt. “*Áp lực*” và “*khó khăn*” thường liên quan đến “*ôn thi*” và “*điểm số*,” thể hiện tình trạng căng thẳng do khó khăn trong việc đạt thành tích kỳ vọng. “*Thời gian*” nổi lên như một yếu tố quan trọng, cho thấy khó khăn trong việc cân bằng giữa học tập, hoạt động ngoại khóa và nghỉ ngơi, dẫn đến mệt mỏi kéo dài. Các từ khóa “*sức khỏe*” và “*tinh thần*” thường đi kèm với cụm từ như “*thiếu ngủ*,” “*mệt mỏi*,” và “*stress*,” nhấn mạnh tác động tiêu cực của lịch trình dày đặc đến sức khỏe thể chất và tinh thần. Vấn đề “*tài chính*” liên quan đến “*chi phí*,” “*học phí*,” và “*thiếu tiền*,” phản ánh áp lực kinh tế mà nhiều sinh viên, đặc biệt là những người vừa học vừa làm hoặc phụ thuộc tài chính gia đình, phải đối mặt. Những khó khăn này nhấn mạnh nhu cầu

[illegible]

Nguồn: Tác giả (2025)

[illegible]

Nguồn: Tác giả (2025)

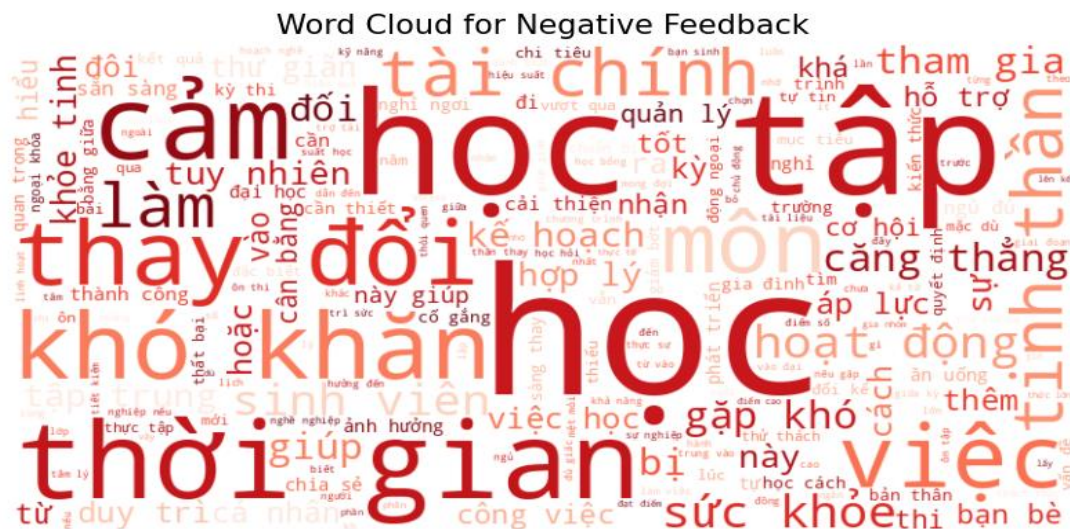
Sinh viên năm hai ngoài các khó khăn về mặt thời gian, học tập thì còn gặp vấn đề lớn với “tài chính”. Các phản hồi cho thấy sinh viên thường đi làm thêm công việc bán thời gian hoặc học cách quản lý chi tiêu để giảm gánh nặng cho gia đình và trang trải các khoản chi phí sinh hoạt.



Hình 5: Word Cloud về phản hồi mang sắc thái tiêu cực của sinh viên năm ba

Nguồn: Tác giả (2025)

Với lượng kiến thức chuyên ngành khá nặng và bắt đầu chuẩn bị thực tập, sinh viên năm ba thường gặp khó khăn trong việc cân bằng giữa việc học tập và duy trì sức khỏe thể chất, tinh thần đặc biệt trong giai đoạn cao điểm như ôn thi hay làm dự án. Tuy nhiên, sinh viên cũng tìm được cách vượt qua như chia sẻ với gia đình, bạn bè, tập thể dục, lập kế hoạch hợp lý.



Hình 6: Word Cloud về phản hồi mang sắc thái tiêu cực của sinh viên năm tư

Nguồn: Tác giả (2025)

Năm cuối đại học là giai đoạn mà sinh viên vừa phải đảm nhận các nhiệm vụ thực tập chuyên môn, vừa hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, dẫn đến những khó khăn đáng kể trong việc quản lý và cân bằng thời gian. Đồng thời, đây cũng là thời điểm sinh viên chịu áp lực lớn trong việc trau dồi các kỹ năng mới nhằm tăng tính cạnh tranh và cải thiện hồ sơ xin việc.

5.2. Các yếu tố dẫn đến cảm xúc tích cực



Hình 7: Word Cloud về phản hồi mang sắc thái tích cực của sinh viên FTU2

Nguồn: Tác giả (2025)

Phân tích Word Cloud từ các phản hồi tích cực cho thấy các yếu tố chính thúc đẩy trạng thái tinh thần tích cực của sinh viên. Từ khóa “gia đình” và “ủng hộ” nổi bật với vai trò là nguồn động viên tinh thần quan trọng, tạo nền tảng ổn định để hỗ trợ sinh viên vượt qua thách thức. Đồng thời, “bạn bè” và “chia sẻ” nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ đồng trang lứa khi sinh viên có thể trao đổi, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và cuộc sống.

Các từ khóa “tham gia” và “hoạt động ngoại khóa” cho thấy những hoạt động này góp phần phát triển kỹ năng mềm, mở rộng kết nối xã hội và mang lại trải nghiệm ý nghĩa, giúp sinh viên tự tin và hào hứng hơn. Những yếu tố này không chỉ cải thiện trải nghiệm học đường mà còn xây dựng tinh thần tích cực cho sinh viên.

6. Kết luận và khuyến nghị

6.1. Kết luận

Tóm tắt phát hiện chính

Nghiên cứu cho thấy sinh viên tại Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương chịu nhiều cảm xúc tiêu cực do áp lực học tập, gánh nặng tài chính, và khó khăn trong cân bằng thời gian. Ngược lại, sự hỗ trợ từ gia đình, bạn bè, và các hoạt động ngoại khóa giúp cải thiện cảm xúc, khuyến khích phát triển toàn diện.

Nhận định và ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu cho thấy cảm xúc của sinh viên chịu ảnh hưởng lớn từ môi trường học tập, xã hội và cá nhân. Điều này nhấn mạnh rằng nhà trường cần xây dựng một môi trường học tập tích cực để hỗ trợ sinh viên đối mặt với các thách thức. Nghiên cứu cũng cung cấp cơ sở thực tiễn để thiết kế các chương trình hỗ trợ toàn diện, từ kỹ năng học thuật đến kỹ năng mềm.

Hạn chế của nghiên cứu

Quy mô mẫu nghiên cứu chỉ gồm 126 sinh viên, khiến kết quả chưa thể đại diện đầy đủ cho toàn bộ sinh viên tại cơ sở. Hình thức khảo sát tự luận đã hạn chế sự tham gia của sinh viên, trong khi nghiên cứu chưa bao quát đầy đủ các yếu tố như chuyên ngành, nơi cư trú, hoặc điều kiện kinh tế gia đình.

Đề xuất cho nghiên cứu tương lai

Để cải thiện, các nghiên cứu tương lai nên kết hợp khảo sát trắc nghiệm và tự luận nhằm giảm áp lực cho người tham gia và mở rộng quy mô mẫu. Việc sử dụng các công cụ AI và phỏng vấn sâu cũng sẽ giúp xử lý và phân tích dữ liệu hiệu quả hơn, đồng thời cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về cảm xúc sinh viên.

6.2. Khuyến nghị

Dựa trên kết quả khảo sát, nhóm tác giả sẽ đưa ra các khuyến nghị thiết thực nhằm giúp sinh viên rèn luyện khả năng quản lý cảm xúc và tư duy tích cực trong học tập. Những giải pháp được đưa ra không chỉ hỗ trợ sinh viên cải thiện hiệu suất và chất lượng học tập một cách toàn diện mà còn góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển cá nhân và học thuật.

Môi trường và thành tích học tập

Sinh viên nên áp dụng các phương pháp học tập sáng tạo, nổi bật nhất là học tập thông qua dự án. Theo Demirci và cộng sự (2023), các sinh viên áp dụng phương pháp dạy học qua dự án giúp gia tăng động lực học tập và trau dồi kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế của chuyên ngành đang học. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Shin (2018) cũng cho thấy rằng việc học qua dự án mang lại cảm xúc tích cực cho sinh viên.

Hoạt động ngoại khóa

Sinh viên nên tham gia các hoạt động ngoại khóa nhiều hơn, đó có thể là hoạt động ở trường hoặc các tổ chức thiện nguyện. Theo Griffiths và cộng sự (2021), tham gia hoạt động ngoại khóa có mối liên hệ tích cực đến sự tự tin của sinh viên trong môi trường đại học. Bên cạnh đó, Díaz-Iso và cộng sự (2019) đã nhấn mạnh giá trị của các hoạt động thiện nguyện trong việc thúc đẩy sự thay đổi cảm xúc và thái độ của sinh viên theo hướng tích cực, qua đó ảnh hưởng đến niềm tin và hành vi hàng ngày của sinh viên thông qua nghiên cứu của mình.

Mối quan hệ gia đình và xã hội

Theo trang sinhvien.info, sinh viên khi gặp khó khăn trong học tập hoặc cuộc sống nên chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ gia đình, bạn bè, thầy cô và chuyên gia tư vấn để giảm căng thẳng và tạo môi trường hỗ trợ tinh thần. Tham gia các hoạt động ngoại khóa và tập thể không chỉ giúp giải tỏa áp lực mà còn tăng cường kỹ năng giao tiếp và xây dựng mối quan hệ xã hội, từ đó hỗ trợ sinh viên vượt qua thử thách và phát triển toàn diện.

Sức khỏe tinh thần và thể chất

Theo memart.vn, sức khỏe tinh thần và thể chất của sinh viên rất quan trọng và cần được chú trọng. Để cải thiện vấn đề này, sinh viên nên xây dựng thói quen sống lành mạnh, tránh xa chất kích thích, và duy trì kết nối xã hội. Việc quản lý thời gian hiệu quả và tham gia hoạt động ngoại khóa cũng giúp cho sinh viên giảm bớt căng thẳng. Nếu cần, hãy tìm kiếm sự hỗ trợ từ chuyên gia tâm lý. Những giải pháp này sẽ nâng cao hiệu suất học tập và chất lượng cuộc sống của sinh viên.

Tài chính cá nhân

Theo Đào Thị Thu Giang (2016) để giảm áp lực tài chính và tập trung tối đa vào học tập, sinh viên nên chủ động tìm kiếm và tận dụng các chương trình học bổng cũng như các gói hỗ trợ tài chính. phù hợp với thành tích, năng khiếu hoặc hoàn cảnh cá nhân. Bên cạnh đó, sinh viên có thể tham gia các hoạt động liên quan đến tài chính cá nhân trong môi trường đại học, qua đó không chỉ nâng cao kiến thức về quản lý tài chính mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự ổn định tài chính trong tương lai.

Định hướng tương lai

Theo Lê Thị Thu Thủy (2020) sinh viên nên chủ động tham gia các hội thảo hướng nghiệp, chương trình tham quan doanh nghiệp và tận dụng các dịch vụ tư vấn cá nhân hóa do Nhà trường và các Câu lạc bộ tổ chức nhằm xây dựng kế hoạch nghề nghiệp rõ ràng. Những hoạt động này không chỉ giúp sinh viên chuẩn bị tốt hơn cho sự nghiệp mà còn mở rộng mạng lưới quan hệ và nâng cao hiểu biết về thị trường lao động. Việc tham gia tích cực vào các chương trình này sẽ trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết, hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp một cách hiệu quả và bền vững.

Tài liệu tham khảo

Aldoseri, A., Al-Khalifa, K. N., & Hamouda, A. M. (2023), "Re-Thinking Data Strategy and Integration for Artificial Intelligence: Concepts, Opportunities, and Challenges", *Applied Sciences*, Vol. 13, No. 12, p. 7082.

Chen, Y., Chen, Z., Wang, S., Hang, Y., & Guo, J. (2024), "How Emotion Nurtures Mentality: The Influencing Mechanism of Social-Emotional Competency on the Mental Health of University Students", *International Journal of Mental Health Promotion*, Vol. 26, No. 4, pp. 303–315,

Cole Stryker. (2024), "What is Multimodal AI?", *IBM*, Available at: <https://www.ibm.com/think/topics/multimodal-ai>

Demirci, S., Lee, K. Y. & Binamak, A. M. (2023), “Marketing Education through PBL: A Case of Social Media Influencer Marketing”, *Engineering Proceedings 2023*, Vol. 38 No. 1, pp 59.

Díaz-Iso, A., Eizaguirre, A., & García-Olalla, A. (2019), “Extracurricular Activities in Higher Education and the Promotion of Reflective Learning for Sustainability”, *Sustainability 2019*, Vol. 11, No.17 Page 4521.

Dr. Mahdi Adam Othman Omer. (2023), "An investigation the effectiveness of whether students should be given multiple short vacation, long vacation or short vacation at schools", *Journal of University Studies for Inclusive Research*, Vol. 5, No. 20, pp. 10795–10817

Ekman, P. (1992), "Ekman 1992.pdf", *Psychological Review*, Vol. 99, No. 3

Fares, J., Saadeddin, Z., Al Tabosh, H., Aridi, H., El Mouhayyar, C., Koleilat, M. K., Chaaya, M., & El Asmar, K. (2016), "Extracurricular activities associated with stress and burnout in preclinical medical students", *Journal of Epidemiology and Global Health*, Vol. 6, No. 3, pp. 177–185.

Griffiths, T. L., Dickinson, J., & Day, C. J. (2021), “Exploring the relationship between extracurricular activities and student self-efficacy within university”, *Journal of Further and Higher Education*, Vol.45, No.9, pp. 1294–1309.

Heckman, S., Lim, H., & Montalto, C. (2014), "Factors Related to Financial Stress among College Students", *Journal of Financial Therapy*, Vol. 5, No. 1, p. 3.

Kang, X., & Wu, Y. (2022), "Academic enjoyment, behavioral engagement, self-concept, organizational strategy and achievement in EFL setting: A multiple mediation analysis", *PLOS ONE*, Vol. 17, No. 4, p. e0267405.

Kanzola, A. M., Papaioannou, K., & Petrakis, P. (2024), "Unlocking society’s standings in artificial intelligence", *Technological Forecasting and Social Change*, Vol. 200, p. 123106,

Li, X., Liu, Z., & Ji, L. (2024), "On the correlation among the students' epistemic cognition, academic emotions, and academic achievement in higher education", *Heliyon*, Vol. 10, No. 9, p. e30770.

Massoni, E. (2011), "Positive Effects of Extra Curricular Activities on Students", *College of DuPage Research*, Vol. 9, Issue 1, No. 27.

Mayer, J. D., Hastari, R. C., Sholehah, L. M., Anggreini, D., Waluyo, A., Zetriuslita, Z., Ariawan, R., & Nufus, H. (2016), "What is Emotional Intelligence? Recommended Citation", *JNPM (Jurnal Nasional Pendidikan Matematika)*, Vol. 5, No. 2.

Một số đề xuất về chính sách hỗ trợ tài chính cho sinh viên trong bối cảnh đổi mới cơ chế hoạt động tại trường Đại học Ngoại thương - Tài liệu, Luận văn. (n.d.). Retrieved January 29, 2025, from https://www.thuvientailieu.vn/tai-lieu/mot-so-de-xuat-ve-chinh-sach-ho-tro-tai-chinh-cho-sinh-vien-trong-boi-can-choi-moi-co-che-hoat-dong-tai-truong-dai-hoc-56005/?utm_source=chatgpt.com.

Ngô Thị Tâm. (n.d.), "CẢM XÚC LIÊN QUAN TỚI HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN Y KHOA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM NĂM 2024", Vol. 65.

Nguyễn, P. T. P. (2019), "Nghiên cứu cấu trúc kỹ năng tự chủ cảm xúc", Tập 18, Số 18, Tháng 06 Năm 2019, tr. 49–54.

Nguyen, K. Van, Nguyen, V. D., Nguyen, P. X. V., Truong, T. T. H., & Nguyen, N. L. T. (2018), "UIT-VSFC: Vietnamese Students' Feedback Corpus for Sentiment Analysis", *Proceedings of 2018 10th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2018)*, pp. 19–24.

Pekrun, R., Marsh, H. W., Suessenbach, F., Frenzel, A. C., & Goetz, T. (2023), "School grades and students' emotions: Longitudinal models of within-person reciprocal effects", *Learning and Instruction*, Vol. 83, p. 101626.

Qin, G. Y., Han, S. S., Zhang, Y. S., Ye, Y. P., & Xu, C. Y. (2024), "Effect of physical exercise on negative emotions in Chinese university students: The mediating effect of self-efficacy", *Heliyon*, Vol. 10, No. 17, p. e37194.

Rani, S., & Kumar, P. (2017), "A Sentiment Analysis System to Improve Teaching and Learning", *Computer*, Vol. 50, No. 5, pp. 36–43.

Robert Plutchik. (2001), "The Nature of Emotions: Human emotions have deep evolutionary roots, a fact that may explain their complexity and provide tools for clinical practice".

Shin, M. (2018), "Effects of Project-based Learning on Students' Motivation and Self-efficacy", *English Teaching*, Vol. 73, No. 1, pp. 95–114.

Sức khỏe tinh thần của sinh viên: Nguyên nhân và Giải pháp cải thiện. (n.d.), Retrieved January 29, 2025, from <https://memart.vn/tin-tuc/suc-khoe-5/danh-gia-suc-khoe-tinh-than-cua-sinh-vien-va-cac-yeu-to-anh-huong-vi-cb.html>

Sức khỏe tinh thần của sinh viên: Vấn đề đáng báo động và giải pháp. (n.d.), Retrieved January 29, 2025, from <https://sinhvien.info/suc-khoe-tinh-than-cua-sinh-vien-van-de-dang-bao-dong-va-giai-phap/>

Trang, H. M., & Đào, M. H. (2020), "CẢM XÚC TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN", *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, Vol. 17, Issue 2.

(PDF) TỰ VẤN NGHIỆP NGHIỆP CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM. (n.d.), Retrieved January 29, 2025, from https://www.researchgate.net/publication/344446908_TU_VAN_NGHE_NGHIEP_CHO_SINH_VIEN_CAC_TRUONG_DAI_HOC_VIET_NAM

Wang, L., Xu, H., Zhang, X., & Fang, P. (2017), "The relationship between emotion regulation strategies and job search behavior among fourth-year university students", *Journal of Adolescence*, Vol. 59, pp. 139–147.

Watson, D., Clark, L. A., & Tellegen, A. (1988a), "Development and Validation of Brief Measures of Positive and Negative Affect: The PANAS Scales", *Journal of Personality and Social Psychology*, Vol. 54, Issue 6.